

QUAN ĐIỂM CỦA NHO GIÁO VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐỨC TRỊ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN VIỆT NAM THỜI KỲ LÊ SƠ

Ngô Quang Huy^(*)

^(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

Email: huy.ngoquang@uah.edu.vn

Ngô Quang Ty^()**

^(**) Thạc sĩ, Trường Đại học Văn Hiến.

Tóm tắt: Tư tưởng đức trị của Nho giáo là những quan điểm về đường lối trị nước và quản lý xã hội, trong đó đặc biệt đề cao vai trò của đạo đức. Các phạm trù “nhân”, “lễ”, “chính danh” không những là nội dung cơ bản, mà còn là biện pháp để thực hiện đường lối chính trị đó. Dưới sự ảnh hưởng của Nho giáo, các triều đại phong kiến Việt Nam đã vận dụng đường lối đức trị để xây dựng một xã hội ổn định, thịnh vượng; trong đó có triều đại Lê Sơ. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích quan điểm của Nho giáo về đường lối đức trị, đồng thời gắn với những đặc điểm chính trị - xã hội Việt Nam thời kỳ Lê Sơ; từ đó nêu bật những ảnh hưởng của nó đến Việt Nam thời kỳ Lê Sơ.

Từ khóa: Nho giáo, đức trị, đường lối đức trị, triều đại Lê Sơ, phong kiến Việt Nam.

Ngày nhận bài: 01/02/2024; ngày phản biện: 03/02/2024; ngày sửa chữa: 05/04/2024; ngày duyệt đăng: 15/05/2024.

1. Mở đầu

Nho giáo là một hệ thống tư tưởng lớn của Trung Hoa cổ đại. Với vai trò là một học thuyết chính trị - xã hội, mà chủ yếu là đề cao đường lối đức trị, Nho giáo đã có sự chi phối mạnh mẽ đến toàn bộ đời sống văn hóa, tinh thần của nhiều quốc gia, dân tộc, trong đó có Việt Nam. Đến thời kỳ Lê Sơ (thế kỷ XV), sự chi phối của Nho giáo ngày càng mạnh mẽ và có sức ảnh hưởng to lớn đối với đường lối trị nước của các vị vua trong

thời kỳ này. Bởi, đây là thời kỳ Nho giáo đã trở nên phổ biến và trở thành hệ tư tưởng chính ở Việt Nam.

2. Quan điểm của Nho giáo về đường lối đức trị

Nho giáo được hình thành từ thời Tây Chu. Trên nền tảng một số tư tưởng của Chu Công Đán, Khổng Tử đã hệ thống hóa, phát triển những tư tưởng đó và tích cực truyền bá rộng rãi. Vì vậy, Khổng Tử được xem là người sáng lập Nho giáo. Nho giáo là một hệ thống bao gồm

nhiều học thuyết khác nhau như: triết học, chính trị - xã hội, đạo đức; trong đó, học thuyết chính trị - xã hội là học thuyết cơ bản, nổi bật nhất. Học thuyết chính trị - xã hội của Nho giáo chủ yếu bàn về một số vấn đề, như con người, xã hội lý tưởng và đường lối trị nước.

Đường lối trị nước là nội dung cốt lõi nhất trong học thuyết chính trị - xã hội của Nho giáo. Sự ra đời của đường lối trị nước trong tư tưởng của Nho giáo là một tất yếu lịch sử. Bước vào thời kỳ Xuân Thu, mặc dù lĩnh vực kinh tế có những bước phát triển nhất định với sự xuất hiện của nhiều trung tâm kinh tế, văn hóa... nhưng xã hội có sự biến đổi to lớn. Đây là lúc “triều đại nhà Chu suy sụp từ đầu Đông Chu đến đây là hết hẳn. Tình trạng xen kẽ lẫn nhau giữa hình thái chiếm hữu nô lệ cứ lùi dần và hình thái phong kiến cát cứ mới nảy sinh với xu thế hướng tới cát cứ tập quyền ngày càng mạnh mẽ cũng chấm dứt” (Quang Đạm 1991a: 21). Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ về mặt kinh tế đã tác động không nhỏ đến lĩnh vực chính trị - xã hội. Sự tác động đó theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực. Trong đó, sự tác động rõ rệt nhất chính là sự xuất hiện những mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị thống trị trong lòng xã hội phong kiến Trung Quốc lúc bấy giờ. Thêm vào đó là tình trạng chiến tranh liên miên của các nước chư hầu góp phần làm cho đời sống của nhân dân ngày càng khổ cực hơn. Trước tình cảnh xã hội rối ren đó, câu hỏi đặt ra cho nhiều nhà tư tưởng Trung Quốc lúc bấy giờ là làm thế nào để thoát khỏi tình trạng rối loạn,

khủng hoảng, đưa đất nước vào trật tự, kỷ cương và ổn định xã hội. Sự ra đời của tư tưởng trị nước trong học thuyết chính trị - xã hội Nho giáo cũng nhằm giải quyết nhu cầu thực tiễn xã hội nói trên.

Trong bối cảnh những mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt trong lòng xã hội Trung Quốc thời kỳ Xuân Thu, tình trạng phi nhân tính, phi đạo đức đang thống trị và chi phối xã hội, nhiều phương pháp cai trị xã hội đã xuất hiện. Trong đó, Nho giáo đặc biệt coi trọng và đề cao phương pháp nhân trị hay còn gọi là đức trị; nghĩa là cai trị và quản lý xã hội bằng đạo đức là chủ yếu. Nho giáo khẳng định đức trị là phương pháp quản lý xã hội hiệu quả nhất.

Thứ nhất, quan điểm của Nho giáo về vai trò của đức trị.

Trong đường lối đức trị của Nho giáo, từ thời Khổng Tử đến các nhà nho sau này đều cho rằng, đạo đức chính là công cụ, phương tiện để đạt mục đích chính trị, để giai cấp thống trị sử dụng trong việc cai trị và quản lý xã hội. Về đặc điểm chính trị thời Xuân Thu, những trật tự, lễ nghi của nhà Chu không được tôn trọng, không phát huy được vai trò cai trị của nó, sự lộng hành của giai cấp thống trị và việc chiến tranh thôn tính lẫn nhau giữa các nước chư hầu làm cho trật tự xã hội bị đảo lộn, đời sống của nhân dân càng trở nên cùng cực. Giai cấp thống trị lúc này chủ yếu sử dụng “hình pháp” hà khắc nhằm tăng cường áp bức, bóc lột nhân dân. Vì vậy, với mong muốn lập lại lễ nghĩa của nhà Chu, đưa xã hội từ loạn đến trị nhằm thiết lập một xã hội lý tưởng, Nho giáo đã đề cao vai trò của đức trị trong đường lối trị nước của mình.

Trong sách Luận ngữ, Khổng Tử đã nói: “dẫn dắt dân bằng chính pháp, sửa trị dân bằng hình phạt, thì dân chỉ tạm tránh khỏi tội lỗi, chứ không có lòng hổ thẹn. Nếu dẫn dắt dân bằng đạo đức, sửa trị dân bằng lễ giáo thì dân không những có lòng hổ thẹn mà còn cảm hóa quy phục” (Quang Đạm 1991a: 53). Trong tư tưởng trị nước, Nho giáo đề cao vai trò của đạo đức, coi đạo đức là biện pháp hữu hiệu nhất để “bình thiên hạ” và thu phục lòng dân. Khổng Tử cũng cho rằng, chính trị là đạo đức, chính trị phải bắt nguồn từ chữ Nhân. Hoạt động chính trị theo đức trị về thực chất, là hoạt động nhằm tạo nên sự thống nhất giữa “Thiên đạo” và “Nhân đạo”. Khổng Tử đòi hỏi người làm chính trị phải “tri mệnh, phối mệnh, sĩ mệnh, úy mệnh” (Đoàn Trung Còn 1996: 115). Nếu thi hành đường lối “bất nhân”, tàn bạo với dân thì vua khó giữ được địa vị thống trị của mình và nhà nước có thể diệt vong. Thậm chí trong tư tưởng về đường lối trị nước của Nho giáo còn nâng cao vai trò của đạo đức, coi việc cai trị xã hội bằng đạo đức là tối cao, là vô địch. Kế thừa những quan điểm của Khổng Tử, về sau, Mạnh Tử cũng cho rằng, kẻ cầm quyền nếu thi hành đường lối “Nhân chính”, thực hành đạo nhân thì mới đem lại sự yên bình cho xã tắc.

Theo Nho giáo, việc thiết lập những chuẩn mực đạo đức xã hội chính là điều kiện, tiền đề cho sự hình thành nhân cách của con người, là yếu tố cơ bản để bảo đảm kỷ cương, trật tự xã hội. Những chuẩn mực đạo đức xã hội được đề cập đến trong Nho giáo là các phạm trù: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, hiếu, trung...

Tuân Tử cho rằng, “Thiên hạ theo lễ thì trị, không theo lễ thì loạn... theo lễ thì yên, không theo lễ thì nguy... theo lễ thì còn không theo lễ thì mất” (Nguyễn Hiến Lê và cộng sự 1992: 107-108). Đây là những phẩm chất cơ bản của con người. Bản thân mỗi người phải tự tu dưỡng, rèn luyện để hoàn thiện bản thân theo những chuẩn mực trên; có như vậy thì mới có thể tạo lập, duy trì một xã hội lý tưởng.

Để tạo lập mẫu người lý tưởng, từ đó hình thành xã hội lý tưởng thì đạo đức và thực hành đạo đức giữ vai trò quyết định. Sự thành bại trong trị nước không phải là chính sách, mà chính là con người. Trong sách *Trung Dung*, Khổng Tử nói: “đạo đức của con người làm cho chính trị có kết quả...cho nên làm chính trị cốt ở con người” (Đoàn Trung Còn 1996: 74). Con người lý tưởng, theo Nho giáo, là người “Quân tử”, trong đó “Đạo quân tử” là lý tưởng cao nhất của người quân tử. “Đạo quân tử” là con đường, cách thức mài dũa, rèn luyện cái đức sáng của người quân tử, truyền bá nó ra cho nhân dân noi theo, khiến cho bản thân và ai nấy đều ngày một mới hơn, tốt đẹp hơn và đạt đến chỗ đứng vững ở nơi chí thiện. Trong sách *Đại học* nói rằng: “đạo của Đại học là ở chỗ làm sáng tỏ đức sáng, ở chỗ làm mới dần và ở chỗ đứng vào nơi chí thiện” (Quang Đạm 1991b: 77). Để trở thành người quân tử phải trải qua quá trình rèn luyện, học tập và tu dưỡng đạo đức bền bỉ, lâu dài. Hơn nữa, người quân tử phải làm gương, phải đem cái đức đó để giáo hóa khắp thiên hạ.

Như vậy, trong đường lối đức trị của Nho giáo, yếu tố cơ bản nhất là đạo đức

và thực hành đạo đức. Người cai trị phải là các bậc thánh nhân, quân tử, là người phải có đức nhân, phải thi hành những chuẩn mực đạo đức, nguyên tắc đạo đức theo quan điểm của Nho giáo.

Thứ hai, những biện pháp để thực hiện đường lối đức trị.

Từ lý tưởng chính trị, Nho giáo đã đưa ra các phương pháp để thực hiện lý tưởng chính trị đó. Các phương pháp đó được thể hiện trong các nội dung cụ thể là *Nhân - Lễ - Chính danh*. Trong đó *Nhân - Lễ* là hai phạm trù trung tâm, quan trọng trong học thuyết chính trị của Nho giáo. Trong *Luận ngữ*, Khổng Tử nói về “Nhân” cả trăm lần và coi đó là một trong những phẩm chất đạo đức cao nhất. Nhân có thể được hiểu với một số ý nghĩa sau: “Nhân” là yêu thương con người, nhưng không phải yêu thương một cách trù tượng, vô điều kiện, lòng yêu người phải được xây dựng trên cơ sở của đạo lý, trí tuệ. Khổng Tử nói: “nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân” (Chu Hy 1998: 340) (người nhân là người muốn điều gì cho mình cũng gây dựng cho người điều đó, muốn mình thông đạt ra sao cũng khiến người thông đạt như vậy) và “kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (Chu Hy 1998: 473) (điều gì mình không muốn, chớ thi hành/đem áp dụng cho người khác). Mạnh Tử khẳng định: “điều nhân là căn nhà yên ổn của người ta, điều nghĩa là con đường cái của người ta” (Chu Hy 1998: 103). Đạo nhân là chuẩn mực ứng xử giữa người với người, là giá trị đạo đức xã hội; chi phối, ràng buộc con người trong việc tu thân, hoàn thiện đạo đức.

“Lễ” trong quan niệm của Nho giáo chính là phạm trù chỉ tính tôn ti, trật tự, kỷ cương của xã hội, là những quy tắc, chuẩn mực đạo đức đòi hỏi con người trong xã hội phải học hỏi và tuân theo. Theo cách diễn đạt của Khổng Tử, “Lễ” quy định danh phận, thứ bậc trong xã hội (Vua - Tôi, Vợ - Chồng, Quân tử - Tiểu nhân...). “Lễ” có tác dụng điều chỉnh hành vi con người trong quan hệ ứng xử và có tác dụng hình thành thói quen đạo đức cho con người. Theo Nho giáo: “chẳng biết lễ, không biết gì để lập thân” (Chu Hy 1998: 690). Lễ vừa có tính khuyên răn, vừa có tính ràng buộc để hình thành thói quen đạo đức cho cá nhân và xã hội. Vì vai trò của Lễ như vậy nên trong đường lối của Nho giáo, “đức trị” còn được gọi là “lễ trị”. Khổng Tử nói: “công dụng của lễ, quý nhất là hòa khí. Đạo của tiên vương nhờ đó mà tốt đẹp, mọi việc lớn nhỏ đều ở đó mà ra. Nhưng cũng có điều không được: chỉ biết vụ lấy hòa khí mà không dùng lễ để tiết chế, cũng không được vậy” (Chu Hy 1998: 207), “người trên chuộng lễ, ắt dân chẳng ai dám không cung kính” (Chu Hy 1998: 500).

Ngoài hai phạm trù “Nhân”, “Lễ” nói trên, học thuyết chính trị của Nho giáo còn xây dựng thuyết “Chính danh”. Theo Nho giáo, vì mỗi người ở một đẳng cấp, địa vị khác nhau nên muốn duy trì ổn định và trật tự xã hội, người nào ở địa vị và đẳng cấp nào thì phải thực hiện đúng trách nhiệm và bổn phận của mình ở địa vị và đẳng cấp đó. Chính danh nghĩa là phải xác định đúng trật tự cai trị, thứ bậc, trách nhiệm xã hội. Nếu mỗi người trong xã hội không giữ gìn địa vị chức phận

của mình mà xâm phạm đến địa vị của người khác thì xã hội sẽ loạn, loạn thì sẽ khốn cùng. Trong tư tưởng của Khổng Tử, “chính danh định phận tức là khuyên mỗi người phải biết xử trí đúng cương vị của mình trong xã hội” (Chiêm Tế 2000: 309). Chính vì đề cao “Nhân”, “Lễ” và “Chính danh”, nên Nho giáo lên án việc dùng pháp luật hà khắc để cai trị.

Để thực hiện đường lối đức trị, Khổng Tử còn đề cao vai trò của người cai trị và đề cao vai trò đạo đức, tu dưỡng đạo đức của nhà vua, người cầm quyền trong việc thi hành đường lối đức trị. Theo Nho giáo, người cai trị muốn thu phục lòng dân, giáo hóa dân thì phải có đạo đức và thực hành đạo đức. Người cai trị phải biết tu dưỡng bản thân, phải học tập, trau dồi đạo đức, sự tu dưỡng đạo đức của người cầm quyền không chỉ thành kính mà phải thường xuyên, mọi lúc, mọi nơi và trong mọi hoàn cảnh. Khổng Tử nói: “nếu người trên chuộng lễ, thì dân chẳng ai dám bất kính. Người trên chuộng nghĩa, thì dân chẳng ai dám bất phục. Người trên chuộng chữ tín, thì dân chẳng ai dám không thật lòng. Được như vậy dân ở bốn phương sẽ đi con mà theo về” (Viện nghiên cứu Hán Nôm 2002: 444). Yếu tố quyết định đến việc thành bại của đường lối đức trị chính là việc tu dưỡng đạo đức và thi hành đạo đức của nhà vua. Nêu gương theo Khổng Tử là nói phải đi đôi với làm, phải tự sửa mình trước khi giáo hóa người khác.

Ngoài ra, Nho giáo còn đề cao vai trò của dân trong đường lối đức trị của mình. Mạnh Tử gọi dân là những người “lao lực”, là người đã lao động tạo ra của cải

để phục cho xã hội và cho những người “lao tâm” - là những người cai trị. Trong ba điều quan trọng nhất của một đất nước, ba điều ảnh hưởng đến thịnh suy của một quốc gia thì một trong ba điều đó chính là dân, “các vua chư hầu có ba điều phải coi là quý trọng: đất đai, dân chúng và việc chính trị”. Vì vậy, chủ trương, chính sách trong đường lối đức trị của Nho giáo là phải “dưỡng dân” và “giáo dân”. Mạnh Tử đã nói: “phải vỗ về những kẻ khó nhọc; phải săn sóc những người ở xa đến; phải uốn nắn những điều sai trái lệch lạc, đưa mọi cái vào khuôn vào phép cho ngay thẳng” (Quang Đạm 1999a: 27). Như vậy, trong tư tưởng của Nho giáo, dân có vai trò đặc biệt quan trọng, vì dân chính là lực lượng lao động chủ yếu của xã hội, sự thịnh suy của một quốc gia chịu sự tác động của dân, giữ yên được lòng dân thì xã hội mới ổn định, phát triển.

Tuy nhiên, dân trong tư tưởng của Nho giáo chỉ là những người biết tuân theo mệnh trời, biết bằng lòng với địa vị bị cai trị của mình và làm theo giáo hóa mới được xem là dân. Mặc dù coi trọng vai trò của dân, coi dân là gốc nước nhưng những người không nghe theo giáo hóa, không tuân theo mệnh trời, không an phận, làm loạn thì không được xem là dân, là gốc của nước.

Tóm lại, nội dung cơ bản trong đường lối đức trị của Nho giáo chính là đề cao vai trò của đạo đức, vai trò của người cai trị và vai trò của dân. Trong đó, Nho giáo xem chuẩn mực đạo đức của con người trong những mối quan hệ xã hội là công cụ, là biện pháp cơ bản để trị nước và bình thiên hạ.

2. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa thời kỳ Lê Sơ

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi đã đánh đuổi quân xâm lược nhà Minh, Lê Lợi lên ngôi và mở đầu cho triều đại Hậu Lê kéo dài 361 năm (1428 - 1789). Thời kỳ Lê Sơ là thời kỳ đầu của triều đại Hậu Lê được tính từ khi Lê Lợi lên ngôi vào năm 1428 cho đến khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi năm 1527. Đây được xem là một thời kỳ hoàng kim, thịnh vượng của chế độ phong kiến Việt Nam. Đặc biệt là đến đời vua Lê Thánh Tông, triều đại nhà Lê đi vào ổn định và thịnh trị nhất.

Về kinh tế - xã hội:

Nhằm khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định xã hội, các triều đại Lê Sơ tăng cường vai trò chỉ đạo, can thiệp của mình vào đời sống kinh tế - xã hội, đảm bảo sự cân bằng giữa yếu tố nhà nước và dân gian, giữa công hữu và tư hữu. Về nông nghiệp, bên cạnh ruộng đất công thì ruộng đất tư cũng tồn tại. Mặc dù Nhà nước thừa nhận loại hình ruộng tư nhưng không khuyến khích phát triển. Ngoài ra, chính sách ruộng điền thời kỳ này còn là sự kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng với mục đích phát triển kinh tế nhưng phải đảm bảo an ninh quốc phòng. Khi có biến thì đồn điền mang tính chất chính trị, quân sự nổi lên đậm nét hơn. Còn khi thời bình, nhu cầu về kinh tế trở thành đòi hỏi chủ yếu thì tính chất hoạt động của đồn điền sát gần với các tổ chức làng, xã bình thường. Nhà Lê Sơ thực hiện chính sách “trọng nông ức thương”, việc buôn bán được nhà nước kiểm soát chặt chẽ. Vì vậy, ngoại thương thời kỳ

này kém phát triển, kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa, làm chậm quá trình tách rời thủ công nghiệp ra khỏi nông nghiệp và sự phát triển của các đô thị trở nên khó khăn hơn.

Sự thay đổi về mặt chính trị, kinh tế - xã hội đã làm cho xã hội Đại Việt thời Lê Sơ tương đối ổn định và phát triển. Cuộc sống của nhân dân trong thời kỳ này, theo ghi chép của sử sách cũ là ổn định, thanh bình. Tuy nhiên về mặt kết cấu, xã hội chia làm hai đẳng cấp rõ rệt là quan liêu và thứ dân. Đẳng cấp quan liêu là những người cầm quyền, cai trị, được xem là đẳng cấp ưu tú của xã hội. Đẳng cấp thứ dân hay còn gọi là bách tính, là giai tầng bị cai trị bao gồm bốn tầng lớp chính: sĩ, nông, công, thương. Trong đó, nông dân là giai cấp chính và đông đảo nhất trong xã hội.

Về chính trị:

Sau khi giành được độc lập, các triều đại phong kiến thời kỳ Lê Sơ đều tập trung vào việc ổn định chính trị - xã hội, bằng việc kiện toàn bộ máy nhà nước quân chủ tập trung, mang tính chất quan liêu chuyên chế. Trong bộ máy hành chính đó, vai trò của nhà vua đặc biệt được coi trọng, nhà vua là con trời, nắm giữ mệnh trời, các ấn dấu của vua đều khắc chữ “thuận thiên thừa vận”. Hệ thống các cơ quan nhà nước ở Trung ương được quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ, có cơ quan chuyên môn là các Bộ nhằm giúp việc cho vua thực hiện quyền lực của mình trong việc cai trị đối với hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội Đại Việt thời Lê Sơ. Đây là thời kỳ được đánh giá là thịnh vượng của

dân tộc, “đất nước hòa bình, dân no ấm, lễ giáo phát triển và quyền thống trị thuộc về nhà Lê” (Nguyễn Ngọc Nhuận và cộng sự 2003: 267).

Quân đội thời kỳ Lê Sơ là một quân đội mạnh, được huấn luyện tinh nhuệ, có nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Về luật pháp thời kỳ này, ngoài việc sử dụng lễ giáo để cai trị thì các đời vua Lê cũng đã chú trọng đến các chế định pháp luật. Nội dung cơ bản của bộ luật thời kỳ này là nhằm bảo vệ vương quyền, chế độ quan liêu, trật tự đẳng cấp, gia đình phụ hệ và hệ tư tưởng Nho giáo. Các triều đại vua thời kỳ Lê Sơ đặc biệt coi trọng việc củng cố chủ quyền quốc gia và phát triển dân tộc. Lê Thánh Tông đã nói: “quyết không để một tác đất, một thước sông của Thái Tổ lọt vào tay kẻ khác” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 2010: 611).

Về văn hóa, tư tưởng:

Đặc điểm nổi bật về mặt văn hóa, tư tưởng thời kỳ này chính là sự phổ biến và phát triển của Nho giáo thay thế địa vị của Phật giáo và Đạo giáo trong các triều đại trước đó. Để đề cao Nho giáo, các vua Lê Sơ hạn chế, kiểm soát những tôn giáo khác. Theo sử sách ghi chép lại, “Triều đình Lê Sơ cấm quý tộc quan lại xây chùa mới, hạn chế việc đi lại của sư tăng, đạo sĩ. Điều 301 Luật Hồng Đức, cấm quan liêu trong triều kết giao với tăng, đạo” (Nguyễn Quang Ngọc 2010: 127). Tống Nho được chọn làm hệ tư tưởng chính thống của nhà nước. Giáo lý của nhà Nho cũng được đưa vào các huấn điều (24 huấn điều của Lê Thánh Tông), các xã trưởng có nhiệm vụ đọc và giảng cho các xã dân. Trên thực tế, các yếu tố của văn

hóa cùng đan xen tồn tại, cả ba tôn giáo Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo cùng tồn tại trong lòng văn hóa dân gian Việt Nam.

Giáo dục, khoa cử thời kỳ Lê Sơ cũng được chú trọng và phát triển, đã phần nào đáp ứng được những yêu cầu về đào tạo nhân tài và quan liêu cho chế độ. Nhà Lê khuyến khích việc học tập, thi cử. Năm 1942, Thái Tông mở khoa thi minh kinh ở kinh đô cho phép mọi người có học đều được tham gia; đồng thời đặt ra lệ xướng danh, treo bảng, ban mũ áo, phẩm tước, dựng bia tiến sĩ và lệ vinh quy bái tổ. Nền giáo dục thời kỳ này được tổ chức bài bản và hoàn thiện. Nội dung cơ bản của giáo dục chủ yếu là học Nho giáo thông qua các sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Bác sử*, *Thơ phú*... Giáo lý Nho học được phổ biến không những là nền tảng cho nhân dân dựa vào để tu thân, rèn luyện đạo đức, mà còn tạo ra một đội ngũ tri thức Nho giáo đảm đương nhiều vị trí quan trọng trong các hoạt động chính trị, văn hóa xã hội, như nhà chính trị, nhà ngoại giao, nhà sử học,... làm rạng danh đất nước.

Trong thời đại phong kiến Việt Nam, thời kỳ Lê Sơ được coi như một bước ngoặt lịch sử, những yếu tố phong kiến đang trên đà phát triển và chiếm ưu thế. Chế độ phong kiến nhà nước quan liêu Đại Việt được xác lập. Trong đó, Nho giáo được chọn làm nền tảng tư tưởng chủ yếu và “Nho giáo tỏ ra là một công cụ phục vụ đắc lực cho giai cấp phong kiến trong việc củng cố chế độ phong kiến và biện hộ cho địa vị thống trị của giai cấp phong kiến và duy trì trật tự của xã hội phong kiến” (Nguyễn Thanh Bình 2007: 128) lúc bấy giờ.

3. Ảnh hưởng của đường lối đức trị Nho giáo đến Việt Nam thời kỳ Lê Sơ

Vào thời kỳ Lê Sơ, triều đại phong kiến Việt Nam đã lựa chọn Nho giáo làm hệ tư tưởng độc tôn thay vì chọn Phật giáo. Bởi vì Nho giáo là một học thuyết chính trị - xã hội phù hợp với chế độ phong kiến và phục vụ đắc lực cho giai cấp thống trị thời kỳ này. Trong đó, tư tưởng đức trị của Nho giáo đã tác động mạnh mẽ đến Nhà nước phong kiến cũng như xã hội Việt Nam thời kỳ Lê Sơ. Sự ảnh hưởng của tư tưởng đức trị Nho giáo đến đường lối chính trị thời kỳ Lê Sơ thể hiện qua một số nội dung sau:

Thứ nhất, các triều đại Lê Sơ rất coi trọng vai trò của “đức trị”.

Đây là thời kỳ mà tư tưởng “Nhân”, “Nghĩa” của Khổng, Mạnh trở nên phổ biến và được áp dụng rộng rãi. Đó là tinh thần như Nguyễn Trãi đã từng khẳng định “lấy chí nhân để thay cường bạo” và “người làm vua... phải để lòng nơi nhân nghĩa, coi nhân nghĩa là chỗ đứng của mình” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 2010: 513). Với một triều đại mà Nho giáo là độc tôn, triều đại Lê Sơ đề cao vai trò của đạo đức và sự tu dưỡng đạo đức, trước hết là đạo đức của kẻ cầm quyền, xem đạo đức là yếu tố quyết định đến sự thịnh trị và thái bình của xã tắc. Vì vậy, thời kỳ Lê Sơ chủ trương đưa những chuẩn mực đạo đức trong *Tam cương, Ngũ thường* của Nho giáo để giáo hóa con người. Ngoài ra, triều đình Lê Sơ còn chủ trương lễ trị, dùng lễ để sửa tốt lòng dân, ràng buộc con người vào triều đình, chế độ. Nguyễn Trãi đã nói: “thời loạn dùng võ, thời bình chuộng văn. Nay

đúng là lúc nên làm lễ nhạc” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 2010: 527). Để phù hợp với thời bình, cần sửa lại lễ nhạc, chuẩn hóa đạo đức cho phù hợp với truyền thống, phong tục của dân tộc. Đến đời vua Lê Thánh Tông, “lễ” cũng được xem là nguyên tắc cai trị đất nước: “phàm lễ là để phân biệt trên dưới mà thống nhất lòng dân, phân biệt để tỏ rõ trên dưới khác nhau, như thế để quy lòng dân làm một” (Trịnh Doãn Chính 2011: 257).

Để phù hợp với điều kiện xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIV đầu XV, đường lối chính trị của các vị vua trong thời kỳ này là kết hợp giữa “đức trị” và “pháp trị”. Thế nhưng, mục đích chủ yếu của pháp luật chỉ là để thể chế hóa các nội dung trong tư tưởng của Nho giáo, là hình thức chế tài để xã hội thực hiện những lễ nghi của Nho giáo. Pháp luật là công cụ được nhà nước sử dụng để trấn áp các hành vi xâm hại đến thuần phong mỹ tục, đạo đức của Nho giáo. Những quan điểm *Tam cương, Ngũ thường, Chính danh...* của Nho giáo vẫn là cơ sở chủ yếu cho sự hình thành của pháp luật thời kỳ Lê Sơ. Nhiều đời vua của thời kỳ Lê Sơ đề cao vai trò của đạo đức trong đường lối trị nước, coi việc giáo dục và giáo hóa dân là biện pháp chủ yếu để cai trị, còn việc xử phạt và hình luật chỉ là tạm thời, chỉ có tác dụng hỗ trợ cho đức trị. Theo Lê Thánh Tông - vị vua trị vì lâu nhất thời kỳ này - phải dùng đức để giáo huấn, thu phục lòng dân, dùng lễ nghĩa để sửa lòng dân, dạy cho dân biết và nuôi dưỡng thuần phong, mỹ tục. Giáo dục con người theo luân lý cương thường của Nho giáo, sử dụng Nho giáo để nâng cao vai trò và quyền lực của nhà

vua, cũng như phát huy sức mạnh của toàn dân trong xây dựng đất nước.

Ngay từ khi lên ngôi, Lê Thánh Tông đã đề cao “Nhân” trong đường lối trị nước của mình. Ông cho rằng, “vâng mệnh trời, hợp với đức, thể tình bậc đại nhân” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 2010: 598) (Chinh tây kỷ hành thi tập bài thứ 3), như vậy mới là đức nhân. Đường lối nhân trị được thể hiện một cách cụ thể như: giảm nhẹ tô thuế cho dân, làm thế nào để dân được ấm no. “Nhân” còn được thể hiện trong đức là “hiếu sinh”, “khoan dung” và có lòng nhân ái. Thậm chí trong luật thời kỳ Lê Sơ còn có nhiều điều khoản giảm nhẹ tội cho những người phạm tội mà biết ra đầu thú, nhiều lần thực hiện đại xá thiên hạ để giữ yên xã tắc, ổn định xã hội trước những bất lợi của ngoại cảnh. Đó chính là biểu hiện của lòng khoan dung và yêu thương cho con người theo tinh thần Nho giáo; đồng thời cũng chứng tỏ đường lối cai trị đề cao đạo đức của các triều đại Lê Sơ.

Xuất phát từ quan điểm tuyển chọn nhân tài của Nho giáo là “muốn được lòng dân, tức là muốn cai trị cho bình yên, thịnh vượng, thì nhà cầm quyền nên tuyển chọn những người ngay thẳng và có đức hạnh và dẹp những kẻ xiêm ninh, tà khúc” (Đoàn Trung Còn 1996: 25), các triều đại Lê Sơ đã thực hiện việc tuyển chọn quan lại không chỉ dựa vào tài năng, mà còn dựa vào đức độ, khoan dung, hiếu kính. Thông qua các kỳ sát hạch, những quan lại làm tốt công việc và được dân yêu mến mới được giao tiếp công việc, kiên quyết loại trừ những quan lại tham nhũng, sách nhiễu nhân dân. Làm tốt điều này

nên các triều đại Lê Sơ đã đem lại cho xã tắc một thời kỳ ổn định, thanh bình. Đại Việt sử ký toàn thư đã viết: “may lòng trời nghĩ đến, ra đời thánh chúa, chinh phục bằng nghĩa, đánh dẹp bằng nhân, non sông mới được đổi mới, nhật nguyệt mới được sáng tươi. Nhân dân từ đây bình yên, nước nhà từ đây thuận trị” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 2010: 521).

Thứ hai, tư tưởng “lấy dân làm gốc” trong đường lối trị nước thời kỳ Lê Sơ.

Trong đường lối đức trị, Nho giáo đặc biệt coi trọng vai trò của dân, muốn nắm được chính quyền thì phải thu phục được lòng dân, phải được dân tin. Xuất phát từ tư tưởng này của Nho giáo, chính sách cai trị của triều đại Lê Sơ cũng đề cao vai trò của dân. Với quan điểm “dân là gốc nước”, triều Lê Sơ được xem là một trong những triều đại biết dung hòa giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc. Quần chúng nhân dân là đối tượng được hướng đến đầu tiên, là đối tượng đầu tiên trong việc đề ra các chủ trương, chính sách của xã hội. Quan tâm đến lợi ích của nhân dân là cơ sở nền tảng của việc xây dựng xã hội vững chắc.

Quan điểm thân dân trước tiên được thể hiện trong tư tưởng của Nguyễn Trãi - người đã có những đóng góp to lớn trong việc hoạch định đường lối, chính sách của nhà Lê Sơ thời kỳ đầu. Trong quan niệm của Nguyễn Trãi, nhân nghĩa chính là vì dân, an dân: “việc nhân nghĩa cốt ở an dân”, “dùng quân nhân nghĩa cứu dân khổ, đánh kẻ có tội”, “đại đức hiếu sinh, thần vũ bất sát, đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp cốt để an dân” (Nguyễn Trãi 1976: 153). Nhân nghĩa là thực sự

coi dân là gốc nước, phải thực sự gắn với nhân dân, phải thương yêu dân thực sự, phải vì nhân dân và cho nhân dân. Nhân nghĩa là phải cứu nước, cứu dân. Muốn cứu nước, cứu dân trước phải lo trừ bạo; muốn trừ bạo trước hết phải dùng sức mạnh của chính nghĩa “lấy ít địch nhiều, lấy chí nhân thay cường bạo”.

Vua Lê Thánh Tông luôn mong ước xây dựng một xã hội lý tưởng, thịnh trị như thời vua Nghiêu, vua Thuấn. Đặc trưng cơ bản trong xã hội lý tưởng theo Lê Thánh Tông là làm sao “đất nước hòa bình, dân ấm no, lễ giáo và quyền thống trị thuộc về nhà Lê” (Nguyễn Tài Thư 1993: 301). Để được lòng dân, thu phục lòng dân thì phải thực hiện chính sách “dưỡng dân” và “giáo dân”. Dân là lực lượng sáng tạo ra của cải vật chất cho xã hội, là nền tảng bảo vệ chế độ chính trị và bảo vệ nhà vua, nhận thấy vai trò quan trọng của dân, Lê Thánh Tông luôn quan tâm đến đời sống vật chất và đạo đức của dân trong đường lối cai trị của mình. Vì vậy, thông qua nhiều tác phẩm, chiếu, dụ, lệnh, huấn điều mà ông ban hành và thực thi, cho thấy rõ tinh thần thân dân, ái dân, trọng dân. Những chủ trương trên được thể hiện trong *Quốc triều hình luật*; cụ thể: có nhiều điều quy định người dân phải có đời sống vật chất khá đầy đủ, được sống trong môi trường văn hóa lành mạnh; quy định nhà vua, đội ngũ quan lại phải quan tâm đảm bảo đời sống vật chất của người dân; những hành động tự tiện chiếm ruộng đất, của cải, tiền bạc, tự tiện thu thuế và thu thuế của dân trái quy định bị trừng trị rất nặng (các điều 181, 185, 186, 206, 300...).

Ngoài chủ trương *dưỡng dân*, đường lối cai trị của các triều đại Lê Sơ còn coi trọng việc *giáo dân*. Nội dung giáo dân trong thời kỳ này cũng là những chuẩn mực, quy phạm đạo đức trong *Tam cương, Ngũ thường* của Nho giáo. Yêu cầu đối với việc giáo dân là nhà vua, người cầm quyền phải có đạo đức và thực hành đạo đức, phải biết tu dưỡng đạo đức và thi hành đạo đức với dân. Còn người dân phải học, tu dưỡng đạo đức, phải đối xử với nhau có đạo đức.

Như vậy, tư tưởng lấy dân làm gốc của triều Lê Sơ là sự kế thừa những nội dung dân là gốc nước, quan điểm “dưỡng dân” và “giáo dân” của Nho giáo. Các triều đại Lê Sơ đều nhận thức được rằng, không có dân thì không có nước, không có vua. Vua cũng phải biết đối tốt với dân, bởi dân không yên thì họ sẽ làm loạn, dân không theo vua thì vua không có sức ngăn chặn thiên tai, đánh dẹp giặc ngoại xâm giữ yên xã tắc. Với chủ trương thân dân, trong suốt thời gian trị vì của mình, các đời vua của triều đại Lê Sơ, đặc biệt là dưới sự trị vì của Lê Thánh Tông không những giữ yên xã tắc, mà còn đem lại cuộc sống ấm no cho nhân dân. Mục tiêu quan trọng của một triều đại là phải chăm lo cho dân; có như vậy, triều đại đó mới tồn tại mãi. Các đời vua thời kỳ Lê Sơ về sau, như Lê Tương Dục, Lê Uy Mục, vì đam mê tửu sắc, cuồng sát, vợ vét của dân, đi ngược lại nguyện vọng và lợi ích của dân nên đã làm cho xã hội ngày càng suy tàn. Do vậy, bất kỳ một chế độ xã hội nào muốn tồn tại, phát triển thì không chỉ chăm lo cho lợi ích của giai cấp, dòng tộc mình,

mà còn phải biết chăm lo lợi ích của nhân dân. Chỉ có như vậy mới tập hợp được sức mạnh của dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước.

Những tư tưởng cốt lõi của Nho giáo về đức trị được vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và truyền thống dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ. Trong đường lối đức trị của mình, triều Lê Sơ cũng chủ trương dùng lễ nghĩa để ràng buộc con người vào triều đình nhằm củng cố và tăng cường chế độ quân chủ chuyên chế. Tuy nhiên, cũng chính vì quá đề cao Nho giáo, đặc biệt là đề cao vai trò cá nhân của nhà vua, nên ngay cả trong thời kỳ thịnh trị của triều đại Lê Sơ cũng đã chứa đựng những mầm mống dẫn tới sự trì trệ, khủng hoảng của xã hội Việt Nam cuối thời kỳ Lê Sơ (khoảng cuối thế kỷ XV).

4. Kết luận

Trong lịch sử xã hội phong kiến Việt Nam, thời kỳ Lê Sơ là một trong những giai đoạn lịch sử được xem là phát triển hưng thịnh của dân tộc, đặc biệt dưới triều đại của vua Lê Thánh Tông. Như những nhà nho của Trung Quốc, nhiều đời vua và các nho sĩ ở Việt Nam trong thời kỳ này đã áp dụng đường lối trị nước là đức trị và tích cực thực hiện đường lối chính trị này, trong đó đề cao những chuẩn mực đạo đức của xã hội, đặc biệt là chuẩn mực đạo đức của vua và những người cai trị. Những ảnh hưởng tích cực của đường lối đức trị của Nho giáo đến xã hội Việt Nam thời kỳ này cũng được xem như là một nguyên nhân cho sự ổn định và phát triển trong lịch sử dân tộc.

Tài liệu trích dẫn

1. Nguyễn Thanh Bình. 2007. *Học thuyết chính trị - xã hội của Nho giáo và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam (Từ thế kỷ XI đến nửa đầu thế kỷ XIX)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
2. Đoàn Trung Còn. 1996. *Đại học, Trung dung*. Nxb. Thuận Hóa.
3. Trịnh Doãn Chính (Chủ biên). 2011. *Tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
4. Quang Đạm (dịch). 1991a. *Nho giáo xưa và nay*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa.
5. Quang Đạm (dịch). 1991b. *Đại học - Trung dung, Nho giáo*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
6. *Đại Việt sử ký toàn thư* (trọn bộ). 2010. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - thông tin.
7. Chu Hy. 1998. *Tứ thư tập chú*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.
8. Nguyễn Hiên Lê - Giản Chi. 1992. *Tuân Tử*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
9. Nguyễn Ngọc Nhuận, Nguyễn Tà Nhí (dịch). 2003. *Quốc triều hình luật*. Nxb. Tp.Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Quang Ngọc. 2010. *Tiến Trình lịch sử Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
11. Chiêm Tế. 2000. *Lịch sử thế giới cổ đại*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Đại học quốc gia.
12. Nguyễn Tài Thư. 1993. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
13. Nguyễn Trãi. 1976. *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
14. Viện nghiên cứu Hán Nôm. 2002. *Ngữ văn Hán Nôm*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.